

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/DS - PT
Ngày 20 - 4 - 2018
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đức Dương

Các Thẩm phán: Ông K'Tiên và ông Phan Văn Lương

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Duy Cường là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 và 20 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2018/TLPT-DS ngày 16-01-2018 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án số: 29/2017/DS-ST ngày 29-9-2017 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 16/2018/QĐ-PT ngày 08-3-2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2018/QĐ-PT ngày 05-4-2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Q; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Lê Thị H; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (được uỷ quyền theo văn bản uỷ quyền ngày 11-4-2013) - Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Mai H, Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn Mai H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Hùng S; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; tạm trú tại: Số 4/6, đường Đ, Tổ 15, Ấp 01, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. NLQ1 và NLQ2; địa chỉ: Ấp 03, xã H, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Lưu Thị Thu H; địa chỉ: Số 65, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (được uỷ quyền theo văn bản uỷ quyền ngày 27-3-2017) - Có mặt.

3.2. NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ7 và NLQ8; địa chỉ: Số 4/6, đường Đ, Tổ 15, Ấp 01, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.3. NLQ9 và NLQ10; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3.4. NLQ11 và NLQ12; địa chỉ: Thôn Đ1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3.5. NLQ13 và NLQ14; địa chỉ: Thôn Đ2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của NLQ10, NLQ11, NLQ12, NLQ13 và NLQ14: Bà Lê Thị H; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 02-4-2018) - Có mặt.

3.5. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; địa chỉ: Số 01, đường Nguyễn Tất Thành, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn T, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T, chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền số: 1699, ngày 15-11-2017) - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Q - Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện ngày 04-12-2006 bà Nguyễn Thị Q trình bày: Năm 1958 bà Nguyễn Thị Q và ông Lê Văn Tr (đã chết năm 1966) được nhà nước cấp cho 01 lô đất thổ cư, sau đó ông bà khai hoang thêm được 03 lô đất nữa, hiện nay là các thửa đất số 66, 69 và 192 tờ bản đồ số 31 và thửa đất số 93 tờ bản đồ số 26 tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Ông Tr và bà Q có 04 người con: Bà Lê Thị P, bà Lê Thị H, Lê Hùng S và Lê Thị T. Năm 1987, ông Lê Hùng S kết hôn với Trương Thị Th và sinh sống chung với bà Q, thời điểm này ông S và bà Th chưa tạo lập được tài sản gì. Trong 04 thửa đất trên thì bà Q trực tiếp sử dụng thửa đất số 66. Đối với thửa đất số 69, vào năm 1996 bà Q và ông S góp tiền xây 01 căn nhà diện tích 212,5m² cùng công trình khác (trong đó bà Q đóng góp ½ tiền xây nhà là 163.600.000 đồng), đến năm 2000 xây thêm một nhà kho diện tích là 117,12m² (trong đó bà Q đóng góp 56.000.000 đồng). Năm 2006 vợ chồng ông S, bà Th lập nghiệp nơi khác, bà Q quản lý, sử dụng nhà và đất trên. Thửa đất số 93, bà Q tặng cho bà Nguyễn Thị L một phần thửa đất có diện tích là 1.100m² năm 1998 bà L chuyển nhượng cho ông Nguyễn Thiên H và bà Nguyễn Thị L1. Phần diện tích còn lại của thửa đất số 93, bà Q tặng cho con gái bà là bà Lê Thị T. Thửa đất số 192, được đưa vào Hợp tác xã Nông nghiệp M (viết tắt là HTX M) do bà Lê Thị H nhận khoán, đến năm 1997 khi HTX M có chủ trương hóa giá vườn cây thì bà Lê Thị H đã mua lại thửa đất này. Năm 1994 ông Lê Hùng S tự ý đi đăng ký quyền sử dụng đất đối với 04 thửa đất nêu trên và được Ủy ban nhân dân

(viết tắt là UBND) huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) số D 0462743, ngày 01 tháng 11 năm 1994. Ngày 14 - 3 - 2002, ông S chuyển nhượng 04 thửa đất nêu trên cho bà Trương Mỹ H. Năm 2006 bà Q mới biết ông S chuyển nhượng đất cho bà Trương Mỹ H, do đó bà Q khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil: Buộc ông Lê Hùng S, bà Trương Thị Th, bà Trương Mỹ H và ông Đinh Hoàng S trả lại quyền sử dụng của các thửa đất số 66, 69 và 192 tờ bản đồ số 31 và thửa đất số 93 tờ bản đồ số 26 tại xã Đ, huyện Đ; hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (viết tắt là HĐCNQSDĐ) giữa ông Lê Hùng S và bà Trương Mỹ H.

Ngày 20-3-2012, bà Q thay đổi nội dung khởi kiện, cụ thể: Yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Hùng S trả lại các thửa đất số 66, 69 và 192 tờ bản đồ số 31; thửa đất số 93 tờ bản đồ số 26.

Ngày 25-9-2014 bà Q có đơn yêu cầu hủy bỏ một phần GCNQSDĐ số W835876 do UBND huyện Đ cấp ngày 21-7-2003 cấp cho bà Trương Mỹ H.

Quá trình giải quyết vụ án ông Lê Hùng S trình bày: Thừa nhận nguồn gốc các thửa đất số 66, 69, 192 tờ bản đồ số 31 và thửa đất số 93 tờ bản đồ số 26 là tài sản của bà Nguyễn Thị Q. Năm 1987 ông S kết hôn với bà Trương Thị Th, do ông S là con trai duy nhất nên bà Q, bà Lê Thị H và bà Lê Thị T thống nhất để lại toàn bộ diện tích đất trên cho ông S, chỉ để lại một phần diện tích đất thửa 192 cho Lê Thị H. Năm 1994 Nhà nước có chủ trương cấp GCNQSDĐ ông S đã đi kê khai và được cấp GCNQSDĐ đối với 04 thửa đất nêu trên. Trên thửa đất số 69 có 01 căn nhà xây năm 1996 do ông S và bà Trương Thị Th xây dựng, khi đó bà Q có đưa cho ông S khoảng 160.000.000 đồng. Năm 2000 ông S và bà Trương Thị Th xây kho, bà Q có đưa cho ông S 56.000.000 đồng. Năm 2002 do làm ăn thua lỗ nên ông S chuyển nhượng toàn bộ 04 thửa đất trên cho Trương Mỹ H với giá 500.000.000 đồng. Việc ông S kê khai cấp GCNQSDĐ và chuyển nhượng 04 thửa đất nêu trên đều được bà Q biết và đồng ý. Tại biên bản lấy lời khai của ngày 21-6-2017 ông S trình bày: Toàn bộ 04 thửa đất nêu trên là tài sản của bà Q và ông Tr, ông S không có công sức đóng góp gì. Bà Q không biết việc ông kê khai cấp GCNQSDĐ, ông tự ý kê khai và không được sự đồng ý của bà Q. Khi chuyển nhượng bà Trương Mỹ H thì hợp đồng được lập tại nhà ông Nh nên bà Q cũng không biết. Đối với ngôi nhà trên thửa đất số 69 là tài sản chung của bà Q và ông S (mỗi bên đóng góp $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà). Ông S xác định thời điểm bà Q tặng cho bà Nguyễn Thị L 1.000m² và bà Lê Thị T 1.500m² trước thời điểm ông S chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Trương Mỹ H. Ngôi nhà xây năm 2005 là do bà Lê Thị H làm cho con trai là ông Đinh Thành S. Đối với những lời khai trước đây do tinh thần không minh mẫn, không biết gì mà do Trương Thị Th cầm tay để lần điểm chỉ hoặc bảo ông S điểm chỉ thì ông S làm theo chứ không biết để làm gì.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trương Mỹ H và ông Đinh Hoàng S trình bày: Việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông S và bà Trương Mỹ H là đúng với các quy định của pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện Đ trình bày: Việc cấp GCNQSDĐ cho ông Lê Hùng S năm 1994 là đúng các quy định của Luật Đất đai năm 1988, Luật Đất đai năm 1993 và các quy định về thi hành Luật Đất đai. Thủ tục cấp GCNQSDĐ cho Trương Mỹ H tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành tại thời điểm cấp GCNQSDĐ.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2017/DS-ST ngày 29-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã quyết định: Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 217, 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 32a của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2005 sửa đổi bổ sung năm 2011. Áp dụng các Điều 28, 104 của Luật Tố tụng Hành chính năm 2010; Điều 30, 31, 32, 143 của Luật Tố tụng Hành chính năm 2015. Căn cứ các Điều 690, 691, 692, 693, 695, 696 của Bộ luật Dân sự năm 1995; các Điều 2, 3, 73, 75 của Luật Đất đai năm 1993; các Điều 14, 15 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986. Áp dụng Nghị quyết số: 45/2005/NQ-QH11 ngày 14-6-2005 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Dân sự. Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Áp dụng Án lệ số: 03/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06-4-2016 và được công bố theo Quyết định số: 220/QĐ-CA, ngày 06-4-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Q đối với ông Lê Hùng S về việc đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất của các thửa đất số 66, 69, 192 thuộc tờ bản đồ số 31 và thửa đất số 93 thuộc tờ bản đồ số 26 tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Buộc bà Nguyễn Thị Q phải giao lại thửa đất số 66, 69 tờ bản đồ số 31; buộc bà Lê Thị H, ông Đinh Bạt Ng giao lại thửa đất số 192, tờ bản đồ số 31; buộc bà Lê Thị T, ông Trần Văn Ng, ông Nguyễn Thiên H và Nguyễn Thị L1 giao lại thửa đất số 93 tờ bản đồ số 26 tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông và toàn bộ tài sản trên đất cho Trương Mỹ H.

Bà Trương Mỹ H và ông Đinh Hoàng S có nghĩa vụ thanh toán giá trị căn nhà trên thửa đất số 66 tờ bản đồ số 31 cho bà Lê Thị H và ông Đinh Bạt Ng là 82.593.000 đồng

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Q về việc yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 14-3-2002 giữa ông Lê Hùng S, bà Trương Thị Th và bà Trương Mỹ H vô hiệu. Công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 14-3-2002 giữa ông Lê Hùng S, bà Trương Thị Th và bà Trương Mỹ H là hợp pháp.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung tại phiên tòa của người đại diện theo ủy quyền; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn

về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D04627436 do UBND huyện Đ cấp cho ông Lê Hùng S ngày 01-11-1994.

4. Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Q về việc hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W835876 do UBND huyện Đ cấp cho bà Trương Mỹ H ngày 21-7-2003.

5. Về quyền khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Q, bà Lê Thị H, ông Đinh Bạt Ng, bà Lê Thị T, ông Trần Văn Ng, ông Nguyễn Thiên H và bà Nguyễn Thị L1 có quyền khởi kiện đối với ông Lê Hùng S và bà Trương Thị Th các vấn đề có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình bằng một vụ án khác.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04-12-2018 bà Nguyễn Thị Q làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án số: 29/2017/DS-ST ngày 29-11-2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

Tại phiên tòa người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét sửa toàn bộ bản án công nhận quyền sử dụng đất cho bà Q đối với các thửa đất số 66, 69, 192 thuộc bản đồ số 31 và thửa đất số 93 tờ bản đồ số 26; thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 04 thửa đất nêu trên. Bởi lẽ, nguồn gốc 04 thửa đất trên thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Q và ông Tr; không có chứng cứ chứng minh việc bà Q tặng cho và ủy quyền cho ông S đi kê khai các thửa đất trên; việc ông S chuyển nhượng QSDĐ cho bà Trương Mỹ H bà Q không biết.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trương Mỹ H và ông Đinh Hoàng S trình bày: Theo đơn khởi kiện bà Q chỉ yêu cầu ông S trả lại quyền sử dụng đất đối với 04 thửa đất nêu trên, nhưng trên thực tế 04 thửa đất này thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Trương Mỹ H và ông Đinh Hoàng S. Việc cấp GCNQSDĐ cho ông S đối với 04 thửa đất trên là đúng quy định của pháp luật. Năm 2003 ông S chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với 04 thửa đất nêu trên bà Trương Mỹ H là tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận kháng cáo của bà Q giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu quan điểm: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Q làm trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là đúng pháp luật. Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đều tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng

Dân sự hủy, đình chỉ một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2017/DS-ST ngày 29-9-2017 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đối với các nội dung: Buộc bà Nguyễn Thị Q phải giao lại thửa đất số 66, 69 tờ bản đồ số 31; buộc bà Lê Thị H, ông Đinh Bạt Ng giao lại thửa đất số 192, tờ bản đồ số 31; buộc bà Lê Thị T, ông Trần Văn Ng, ông Nguyễn Thiên H và Nguyễn Thị L1 lại thửa đất số 93 tờ bản đồ số 26 và toàn bộ tài sản trên đất cho bà Trương Mỹ H. Bà Trương Mỹ H, ông Đinh Hoàng S có nghĩa vụ thanh toán giá trị căn nhà trên thửa đất số 66 tờ bản đồ số 31 cho bà Lê Thị H và ông Đinh Bạt Ng là 82.593.000đ (*Tám mươi hai triệu năm trăm chín mươi ba nghìn đồng*). Giữ nguyên phần quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2017/DS-ST ngày 29-9-2017 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil về bác yêu cầu khởi kiện của bà Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét kháng cáo của nguyên đơn, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét phúc thẩm nhận định:

[1.1]. Đơn khởi kiện ngày 04-12-2006 bà Nguyễn Thị Q khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil: Buộc ông Lê Hùng S, bà Trương Thị Th, bà Trương Mỹ H và ông Đinh Hoàng S trả lại quyền sử dụng của các thửa đất số 66, 69 và 192 tờ bản đồ số 31; thửa đất số 93 tờ bản đồ số 26 tại xã Đ, huyện Đ cho bà Q, tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lê Hùng S và bà Trương Mỹ H. Ngày 20-3-2012 bà Q thay đổi nội dung khởi kiện (bút lục số 04, tập 3), cụ thể: Yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Hùng S trả lại các thửa đất số 66, 69 và 192 tờ bản đồ số 31 và thửa đất số 93 tờ bản đồ số 26. Việc bà Q thay đổi yêu cầu khởi kiện là đúng quy định tại Điều 58, Điều 59 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2005. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết cũng như tại các phiên hòa giải Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil không thông báo cho các đương sự khác biết nội dung thay đổi yêu cầu khởi kiện là vi phạm quy định tại 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2005 và Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Mặt khác, tại phần nội dung và phần nhận định của bản án sơ thẩm số: 29/2017/DS-ST ngày 29-9-2017 không ghi yêu cầu khởi kiện ngày 20-3-2012 của bà Nguyễn Thị Q mà chỉ ghi nhận yêu cầu khởi kiện ngày 04-12-2006 là vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Trong đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 20-3-2012 và trong quá trình giải quyết vụ án bà Trương Mỹ H và ông Đinh Hoàng S không có yêu cầu độc lập. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm số: 29/2017/DS-ST ngày 29-9-2017 Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, quyết định: “Không chấp nhận yêu cầu của bà Q về việc yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 14-3-

2002 giữa ông Lê Hùng S, bà Trương Thị Th và bà Trương Mỹ H vô hiệu. Công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 14-3-2002 giữa ông Lê Hùng S, bà Trương Thị Th và Trương Mỹ H là hợp pháp; buộc bà Nguyễn Thị Q phải giao lại thửa đất số 66, 69 tờ bản đồ số 31; buộc bà Lê Thị H, ông Đinh Bạt Ng giao lại thửa đất số 192, tờ bản đồ số 31; buộc bà Lê Thị T, ông Trần Văn Ng, ông Nguyễn Thiên H và Nguyễn Thị L1 giao lại thửa đất số 93 tờ bản đồ số 26 (*Các thửa đất số 66, 69, 192, 93 đều tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông*) và toàn bộ tài sản trên đất cho bà Trương Mỹ H; bà Trương Mỹ H và ông Đinh Hoàng S có nghĩa vụ thanh toán giá trị căn nhà trên thửa đất số 66 tờ bản đồ số 31 cho bà Lê Thị H và ông Đinh Bạt Ng là 82.593.000 đồng”. Như vậy, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã giải quyết vượt quá phạm vi khởi kiện của bà Nguyễn Thị Q, vi phạm quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Mặc dù, biên bản phiên tòa ngày 10-10-2017 ghi nhận người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có bổ sung yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lê Hùng S và bà Trương Mỹ H, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy yêu cầu bổ sung này vượt quá phạm vi đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 20-3-2012 của bà Q không đúng với quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.4]. Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung hủy một phần GCNQSDĐ W835876 do UBND huyện Đ cấp ngày 21-7-2003 cấp cho bà Trương Mỹ H. Bản án sơ thẩm căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 104 của Luật tố tụng Hành chính năm 2010 để xác định thời hiệu khởi kiện đã hết và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này là không có căn cứ, bởi lẽ: tại Điều 5 Thông tư liên tịch số: 01/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP về việc Hướng dẫn thi hành Điều 32a của Bộ luật Tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2005 quy định “*Tòa án không áp dụng thời hiệu quy định trong pháp luật tố tụng hành chính khi xem xét yêu cầu hủy quyết định cá biệt rõ ràng trái pháp luật*”.

[2]. Từ những phân tích và nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng mà Hội đồng xét xử phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Q, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số: 29/2017/DS-ST ngày 29-9-2017 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Q: Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số: 29/2017/DS-ST ngày 29-9-2017 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 3 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội : Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Q số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp, theo biên lai số: 0000766 ngày 05-12-2017, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện Đắk Mil;
- Các đương sự;
- Lưu HS, THCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lương Đức Dương